

Bản án số: 353/2023/DS-PT

Ngày: 22 - 9 - 2023

V/v hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nhân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trọng Quế

Ông Trịnh Xuân Miến

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Vũ Phong là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 289/2023/TLPT-DS ngày 31 tháng 7 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 130/2023/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố C M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 304/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm: 1980; nơi cư trú: Hẻm T Đ, khóm 4, phường 9, thành phố C M, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Hồ Vũ P, sinh năm: 1980; nơi cư trú: Số 450, đường N T, khóm phường 9, thành phố C M, tỉnh Cà Mau; giấy ủy quyền ngày 21/9/2023 (có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Nguyễn Văn N – Văn phòng luật sư A S thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Hồng H, sinh năm: 1980 (vắng mặt);

Chị Hoàng Thị P1, sinh năm: 1982 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Căn số 1, liên kế 6, đường N H N, khóm 6, phường 9, thành phố C M, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Chị Trần Thị L là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn trình bày: Ngày 21/11/2021, chị Trần Thị L cho anh Trần Hồng H vay số tiền 100.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, có biên nhận hẹn ngày 21/3/2022 trả tiền. Đến hẹn, anh H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Thời điểm vay tiền anh H với chị P1 đang tồn tại mối quan hệ hôn nhân, anh H vay tiền

nhằm phục vụ cho nhu cầu kinh tế của gia đình. Ngày 11/01/2023, chị L khởi kiện yêu cầu anh H, chị P1 cùng có trách nhiệm thanh toán cho chị L nợ gốc 100.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 21/3/2022 đến ngày 11/01/2023, mức lãi suất 0.83%/tháng bằng số tiền 8.049.600 đồng.

Đối với bị đơn anh Trần Hồng H và chị Hoàng Thị P1: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Anh H, chị P1 không có văn bản trình bày ý kiến; vắng mặt không lý do tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Tòa án kết hợp với đại diện chính quyền địa phương đến nơi cư trú trực tiếp làm việc với anh H, chị P1 nhưng anh H, chị P1 lấy lý do bận việc, không đồng ý làm việc với Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 130/2023/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố C M, tỉnh Cà Mau đã xử quyết định: Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L. Buộc anh Trần Hồng H có nghĩa vụ thanh toán cho chị Trần Thị L tổng số tiền 108.050.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L về việc buộc chị Hoàng Thị P1 có trách nhiệm liên đới cùng anh H thanh toán số tiền 108.050.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 26/6/2023, chị Trần Thị L có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc chị P1 liên đới cùng anh H trả cho chị L số tiền 108.050.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tranh luận: Đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm, buộc chị Hoàng Thị Phụng liên đới cùng anh Trần Hồng H trả nợ cho chị Trần Thị L số tiền gốc, lãi là 108.050.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng quy định của pháp luật tố tụng; các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự được pháp luật quy định;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm, buộc chị Hoàng Thị P1 liên đới cùng anh Trần Hồng H trả cho chị L số tiền 108.050.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Tại Biên nhận ngày 21/11/2021 thể hiện: Anh Trần Hồng H ký nhận nợ vay của chị Trần Thị L số tiền 100.000.000 đồng, không lãi suất, cam kết 21/3/2022 trả nợ. Anh H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, chị L kiện buộc anh H, chị P1 trả vốn, lãi tổng cộng 108.050.000 đồng. Giai đoạn xét xử sơ thẩm, anh H, chị P1 không hợp tác để cung cấp chứng cứ và trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị L. Anh H, chị P1 vắng mặt không lý do tại các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử sơ thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào chứng cứ chị L cung cấp là biên nhận nợ do anh H ký nhận, xử buộc anh H thanh toán nợ theo yêu cầu của chị L gồm: Tiền vốn 100.000.000 đồng, tiền lãi 0.83%/tháng tính từ ngày 21/11/2021 đến 11/01/2023 (09 tháng 21 ngày) bằng tiền 8.049.600 đồng làm tròn là 8.050.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 463, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[2] Xét kháng cáo của chị Trần Thị L về việc buộc chị Hoàng Thị P1 cùng liên đới trả nợ, thấy rằng: Quá trình xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, chị L xác định thời điểm phát sinh nợ vay là trong thời kỳ hôn nhân giữa anh H với chị P1. Mục đích vay nợ để đáp ứng nhu cầu chung của gia đình, nhằm phục vụ kinh doanh mua bán vật liệu xây dựng. Phía anh H, chị P1 không cung cấp ý kiến, tài liệu, chứng cứ chứng minh khoản nợ. Án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị L, chỉ buộc anh H không buộc chị P1 cùng liên đới thanh toán nợ là chưa căn cứ vào khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình khi giải quyết vụ án. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của chị Trần Thị L, sửa án sơ thẩm buộc anh H, chị P1 cùng có trách nhiệm thanh toán nợ cho chị L tổng số tiền vốn, lãi 108.050.000 đồng là phù hợp.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Chấp nhận kháng cáo của chị Trần Thị L; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 130/2023/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố C M, tỉnh Cà Mau.

2. Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L. Buộc anh Trần Hồng H và chị Hoàng Thị P1 có nghĩa vụ cùng thanh toán cho chị Trần Thị L tổng số tiền vốn, lãi là 108.050.000 đồng (Một trăm lẻ tám triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh H, chị P1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi chậm trả đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định của khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Áp dụng các Điều 147, 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Anh Trần Hồng H và chị Hoàng Thị P1 cùng phải chịu 5.402.000 đồng. Chị Trần Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm. Ngày 17/01/2023 và ngày 27/6/2023 chị L đã dự nộp 2.701.000 đồng theo Biên lai 0002721 và 300.000 đồng theo Biên lai số 0002329 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C M, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.C M;
- Tòa án nhân dân Tp.C M;
- Chi cục THADS Tp.C M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM: TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Trọng Nhân